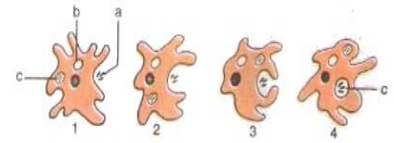


Họ tên:Lớp:.....

Câu 1: Trùng biến hình sống ở đâu và di chuyển, bắt mồi, tiêu hóa mồi như thế nào?

- Trùng biến hình sống ở lớp váng ao hồ ngoài tự nhiên hay ở trong bình nuôi cấy
- Di chuyển nhờ hình thành chân giả, dùng chân giả để bắt mồi và tiêu hóa mồi nhờ hình thành không bào tiêu hóa



Hình 5.2. Trùng biến hình bắt mồi và tiêu hóa
a) Mồi ; b) Không bào co bóp ; c) Không bào tiêu hóa.

Câu 2: Quá trình bắt mồi và tiêu hóa mồi của trùng biến hình

- Khi một chân giả tiếp cận mồi (tảo, vi khuẩn, vụn hữu cơ...)
- Lập tức hình thành chân giả thứ 2 vây lấy mồi
- Hai chân giả kéo dài nuốt mồi vào sâu trong chất nguyên sinh
- Không bào tiêu hóa tạo thành bao lấy mồi, tiêu hóa mồi nhờ dịch tiêu hóa

Câu 3: Trùng kiết lị có hại như thế nào với sức khỏe con người

- Quá trình xâm nhập vào cơ thể : Bào xác của trùng kiết lị theo thức ăn, nước uống vào ống tiêu hóa người. Trùng kiết lị gây các vết loét ở thành ruột để nuốt hồng cầu tại đó, gây ra chảy máu. Chúng sinh sản rất nhanh để lan ra khắp thành ruột, làm cho người bệnh đi ngoài liên tiếp, suy kiệt sức lực rất nhanh và có thể nguy hiểm đến tính mạng nếu không chữa trị kịp thời.
- Cách phòng chống: giữ vệ sinh ăn uống, rửa tay trước khi ăn, ăn sạch – uống sạch...

Câu 4: Hình dạng ngoài, di chuyển, dinh dưỡng của Thủy tức

- **Cấu tạo ngoài:**
 - Cơ thể hình trụ dài
 - Phần dưới là đế -> bám
 - Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có các tua miệng
 - Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- **Di chuyển:** kiểu sâu đo, kiểu lộn đầu
- **Dinh dưỡng:**
 - Thủy tức bắt mồi bằng tua miệng. Quá trình tiêu hóa được thực hiện ở khoang tiêu hóa nhờ dịch từ tế bào tuyến
 - Sự trao đổi khí thực hiện qua thành cơ thể

Câu 5: Thủy tức thải chất bã ra khỏi cơ thể bằng con đường nào?

Thủy tức có ruột hình túi (ruột túi) nghĩa là chỉ có 1 lỗ miệng duy nhất thông với môi trường ngoài nên thủy tức lấy thức ăn và thải bã đều qua lỗ miệng

Câu 6: Đặc điểm chung của Ngành ruột khoang

- Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- Ruột dạng túi
- Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp tế bào
- Tự vệ và tấn công bằng tế bào gai
- Dinh dưỡng: dị dưỡng

Câu 7: Vai trò của Ngành Ruột khoang ?

- Tạo các đảo và bờ san hô
- San hô là nguyên liệu quý cho xây dựng, trang trí, có ý nghĩa về địa chất
- Các loài sứa lớn là thức ăn cho người
- Tác hại:
 - + Một số loài sứa gây ngứa và độc cho người
 - + Đảo ngầm san hô cản trở giao thông biển

Chú ý: San hô tạo ra các quần đảo (Trường Sa và Hoàng Sa)

Tạo môi trường sống dưới đáy biển, tạo cảnh quan đẹp

Do đó, cần bảo vệ môi trường, cấm khai thác san hô quá mức

Câu 8: Các loài giun tròn thường kí sinh ở đâu và gây ra tác hại gì cho vật chủ?

- Các loài giun tròn thường kí sinh ở các nơi giàu chất dinh dưỡng trong cơ thể người, động vật và thực vật như ở: ruột non, tá tràng, mạch bạch huyết, rễ lúa
- **Tác hại:** lấy tranh thức ăn, gây viêm nhiễm nơi kí sinh và tiết ra các chất độc có hại cho cơ thể vật chủ

Câu 9: Biện pháp phòng trừ giun kí sinh

- Rửa tay sạch trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh
- Ăn chín uống sôi
- Giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường
- Tiêu diệt ruồi, nhặng
- Uống thuốc sổ giun 6 tháng/ lần

Câu 10:

a. So sánh giun kim và giun móc câu

	Nơi kí sinh	Tác hại	Con đường lây nhiễm	Biện pháp phòng tránh
Giun kim	Ruột già người	Ngứa hậu môn	Ăn uống	Giữ vệ sinh ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường
Giun móc câu	Tá tràng người	Tranh chất dinh dưỡng -> người bệnh xanh xao, vàng vọt	Ấu trùng xâm nhập qua da bàn chân, khi người đi chân đất ở vùng có ấu trùng giun móc câu	Mang giày dép, ủng... khi tiếp xúc với đất ở những nơi có ấu trùng giun móc câu

b. Căn cứ vào nơi kí sinh hãy so sánh giun kim và giun móc câu, loài giun nào nguy hiểm hơn? Loài giun nào dễ phòng tránh hơn?

Giun móc câu nguy hiểm hơn vì chúng kí sinh ở tá tràng, là đoạn ruột diễn ra các quá trình tiêu hóa quan trọng nhất ở ruột non. Tuy thế, phòng chống giun móc câu lại dễ hơn giun kim ở chỗ chỉ cần đi giày dép, ủng... khi tiếp xúc với đất ở những nơi có ấu trùng giun móc câu là đủ

Câu 11:

a. Đặc điểm nhận biết đại diện ngành giun đốt? → Cơ thể thuôn dài, phân đốt

b. Vai trò của ngành giun đốt

- Làm thức ăn cho người: rươi, sa sùng...
- Làm thức ăn cho động vật khác: giun đất, giun đỏ...
- Làm màu mỡ, tơi xốp đất trồng: các loài giun đất...
- Có hại cho động vật và người: đĩa, vắt..

Câu 12: a. Để mở vỏ trai quan sát bên trong cơ thể, phải làm thế nào? Trai chết thì vỏ mở tại sao?

Để mở vỏ trai quan sát bên trong, phải luồn lưỡi dao vào qua khe vỏ, cắt cơ khép vỏ trước và cơ khép vỏ sau ở trai. Cơ khép vỏ bị cắt lập tức vỏ trai sẽ mở ra. Điều đó chứng tỏ sự mở ra là do tính tự động của vỏ trai (do dây chằng bản lề trai có tính đàn hồi cao). Chính vì thế khi trai bị chết, vỏ thường mở ra

b. Mùi mặt ngoài vỏ trai ngửi thấy mùi khét, vì sao?: Vì phía ngoài là lớp sừng có thành phần giống tổ chức sừng ở các động vật khác nên khi mài nóng cháy, chúng có mùi khét

c. Trai tự vệ bằng cách nào? Cấu tạo nào của trai đảm bảo cách tự vệ đó có hiệu quả?

Trai tự vệ bằng cách co chân, khép vỏ. Nhờ vỏ cứng rắn và hai cơ khép vỏ vững chắc nên kẻ thù không thể bửa vỏ ra để ăn được phần mềm của cơ thể chúng

Câu 13:**a. Giải thích cơ chế giúp trai di chuyển được trong bùn?**

Trai thò chân và vươn dài trong bùn về hướng muốn đi tới để mở đường, sau đó trai co chân đồng thời với việc khép vỏ lại, tạo ra lực đẩy do nước phụt ra ở rãnh phía sau, làm trai tiến về phía trước

b.Cách dinh dưỡng của trai có ý nghĩa như thế nào với môi trường nước?

Trai dinh dưỡng theo kiểu hút nước để lọc lấy vụn hữu cơ, ĐVNS, các động vật nhỏ khác (kiểu dinh dưỡng thụ động) -> góp phần lọc sạch môi trường nước vì cơ thể trai giống như những máy lọc sống. Ở những nơi nước ô nhiễm, người ăn trai, sò hay bị ngộ độc vì khi lọc nước, nhiều chất độc còn tồn đọng ở cơ thể trai, sò

c.Nhiều ao đào thả cá, trai không thả mà tự nhiên có, vì sao?

Nhiều ao đào thả cá, trai không thả mà tự nhiên có vì trong vòng đời phát triển của trai, ấu trùng có tập tính bám vào mang và da cá để di chuyển đến nơi xa. Đây là một hình thức thích nghi với phát tán nòi giống

d.Ý nghĩa giai đoạn trứng phát triển thành ấu trùng trong mang của trai mẹ?

Để bảo vệ trứng và ấu trùng khỏi bị động vật khác ăn mất. Thêm nữa ở đây rất giàu dưỡng khí và thức ăn

Câu 14: Đặc điểm chung của Thân mềm

Thân mềm, không phân đốt

Có khoang áo, có vỏ đá vôi

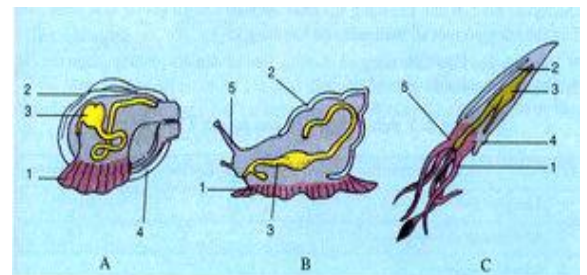
Hệ tiêu hóa phân hóa

Cơ quan di chuyển thường đơn giản.

*** Riêng mực và bạch tuộc thích nghi với lối sống săn mồi và di chuyển tích cực nên vỏ tiêu giảm và cơ quan di chuyển rất phát triển**

Câu 15: Quan sát hình vẽ, hoàn thành bảng

Các đặc điểm/ Đại diện	Nơi sống	Lối sống	Kiểu vỏ
Trai sông	Ở nước ngọt	Vùi lấp	2 mảnh vỏ
Ốc sên	Ở cạn	Bò chậm chạp	1 vỏ xoắn ốc
Mực	Ở biển	Bơi nhanh	Mai (vỏ tiêu giảm)



Hình 21. Sơ đồ cấu tạo chung của đại diện thân mềm

A - Trai ; B - Ốc sên ; C - Mực

1. Chân ; 2. Vỏ (hay mai) đá vôi ; 3. Ống tiêu hoá ; 4. Khoang áo ; 5. Đầu.

Câu 16: Vai trò của ngành thân mềm**Có lợi :**

Làm thực phẩm cho người: mực, sò, trai, hến, ốc...

Làm thức ăn cho động vật khác: sò, hến, ốc....

Làm đồ trang sức: ngọc trai

Làm vật trang trí: vỏ sò, vỏ ốc, vỏ trai...

Làm sạch môi trường nước: trai, sò, hàu...

Có giá trị xuất khẩu: mực, bào ngư, sò huyết...

Có giá trị về mặt địa chất: hóa thạch 1 số vỏ sò, vỏ ốc.....

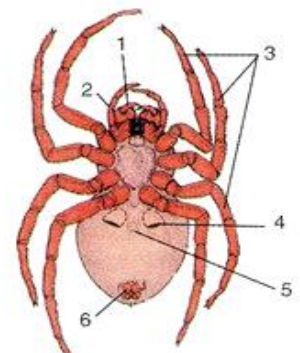
Có hại:

Có hại cho cây trồng: các loài ốc sên

Làm vật chủ trung gian truyền bệnh giun sán: ốc ao, ốc mút...

Câu 17: Quan sát hình trên - Hình 25.1: cấu tạo ngoài của nhện,

trình bày cấu tạo ngoài của nhện



Hình 25.1. Cấu tạo ngoài của nhện

1. Kim ; 2. Chân xúc giác ; 3. Chân bò ; 4. Khe thở ; 5. Lỗ sinh dục ; 6. Nấm tuyến tơ.

Các phần cơ thể	Số chú thích	Tên bộ phận	Chức năng
Phần Đầu ngực	1	Đôi kim có tuyến độc	Bắt mồi và tự vệ
	2	Đôi chân xúc giác phủ đầy lông	Cảm giác về khứu giác và xúc giác
	3	4 đôi chân bò	Di chuyển và chăng lưới
	4	Phía trước là đôi khe thở	Hô hấp
Phần bụng	5	Ở giữa là 1 lỗ sinh dục	Sinh sản
	6	Phía sau là các nóm tuyến tơ	Sinh ra tơ nhện

Câu 18: Tập tính chăng lưới của nhện

- Chăng dây tơ khung
- Chăng dây tơ phóng xạ
- Chăng các sợi tơ vòng
- Chờ mồi (thường ở trung tâm lưới)

Câu 19: Tập tính bắt mồi của nhện

- Nhện ngoạm chặt mồi, chích nọc độc
- Tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể mồi
- Trói chặt mồi rồi treo vào lưới để một thời gian
- Nhện hút dịch lỏng ở con mồi

Câu 20: Ý nghĩa thực tiễn của lớp Hình nhện

- Tiêu diệt sâu bọ có hại: các loài nhện
- Làm thực phẩm cho người: bọ cạp
- Làm vật trang trí: bọ cạp
- Gây hại cho người và động vật: cái ghẻ, ve bò

Câu 21: Đặc điểm giúp nhận dạng châu chấu nói riêng và sâu bọ nói chung?

- Cơ thể chia 3 phần: đầu, ngực, bụng
- Đầu có một đôi râu, ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh
- Hô hấp bằng hệ thống ống khí

Câu 22: Vì sao châu chấu non phải nhiều lần lột xác mới lớn lên thành con trưởng thành

Vì có lớp vỏ kitin cứng, kém đàn hồi không thể lớn lên theo cơ thể được nên khi lớn lên vỏ cũ phải bong ra để hình thành vỏ mới.

Câu 23: Vai trò thực tiễn của lớp sâu bọ

- Làm thực phẩm
- Làm thuốc chữa bệnh
- Thụ phấn cây trồng
- Làm thức ăn cho động vật khác
- Diệt các sâu bọ có hại
- Là động vật trung gian truyền bệnh
- Gây hại cho cây trồng
- Làm hại cho sản xuất nông nghiệp

Câu 24 : Biện pháp nào chống sâu bọ có hại nhưng an toàn cho môi trường?

- Phun thuốc trừ sâu đôi khi khiến sâu bọ phá hại nhiều hơn vì thuốc chỉ diệt các loài sâu bọ có ích và làm các loài có hại mất sức hoành hành nên người dân dùng nhóm sâu bọ có ích (*thiên địch – kẻ thù tự nhiên của sâu hại cây trồng*)
- VD: Bọ ngựa, bọ rùa : ăn thịt các sâu hại/
Một số loài ong đẻ trứng trong cơ thể sâu róm để ấu trùng kí sinh ở đó.

